

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT**Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh,
bổ sung chủ trương đầu tư các Dự án trên địa bàn tỉnh****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung Quyết định
chủ trương đầu tư các Dự án trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-HĐND
ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;
ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư các Dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm:

I. Quyết định chủ trương đầu tư 12 dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, gồm:

I.1. Quyết định chủ trương đầu tư 08 dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ đầu tư cho các Cụm Công nghiệp theo Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm:

1. Dự án Hệ thống xử lý nước thải Cụm Công nghiệp Ea Đar, huyện Ea Kar.
2. Dự án Đường giao thông Cụm Công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp (Đường số No1, No2, No3, No4).
3. Dự án Đường giao thông Cụm Công nghiệp M'Đrăk, huyện M'Đrăk.
4. Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 1).
5. Dự án Đường giao thông đối ngoại và đường trục chính Cụm Công nghiệp Hòa Sơn, huyện Krông Bông.
6. Dự án Hệ thống xử lý nước thải, đường giao thông bên trong Cụm Công nghiệp Krông Búk 1, huyện Krông Búk.
7. Dự án Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung Cụm Công nghiệp Cư Kuin.
8. Dự án Đầu tư xây dựng đường giao thông trục D2 (đường trục chính trung tâm) Cụm Công nghiệp Cư Kuin.

I.2. Quyết định chủ trương đầu tư 03 dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ đầu tư cho các hợp tác xã theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, gồm:

1. Dự án Đường trục chính giao thông nội đồng thuộc Hợp tác xã nông nghiệp 714.
2. Dự án Đầu tư mua sắm 04 máy gặt đập liên hợp thuộc Hợp tác xã nông nghiệp 714.
3. Dự án Đầu tư dây chuyền chế biến gạo bóng cho Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thăng Bình.

I.3. Quyết định chủ trương đầu tư 01 dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột đề xuất:

Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tại Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc Đắk Lắk

II. Điều chỉnh, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư 15 dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

1. Dự án Ổn định dân di cư tự do thôn Ea Rót, xã Cư Pui, huyện Krông Bông.
2. Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Krông Pách và xây dựng đê bao ngăn lũ đoạn qua xã Vụ Bồn, Krông Pắc.
3. Dự án Di dân khẩn cấp vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất cụm dân cư thôn 4, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10 và thôn 12 xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp.
4. Dự án Nâng cấp vỉa hè, hệ thống điện bờ hồ và trung tâm huyện phục vụ du lịch Hồ Lắk.
5. Dự án Đường ven Hồ Lắk đoạn quanh điểm du lịch Buôn Jun, thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk.

6. Dự án Đường giao thông từ Ea Hồ đi Tam Giang, huyện Krông Năng.
7. Dự án Đường giao thông liên huyện Cư M'gar - thị xã Buôn Hồ.
8. Dự án Hệ thống kênh và công trình trên kênh có $F_{tưới} < 150ha$ (địa bàn tỉnh Đắk Lắk) thuộc dự án Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ia Mơr - giai đoạn 2.
9. Dự án Hệ thống trạm bơm và công trình thủy lợi Dur Kmăl, xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana.
10. Dự án Hồ chứa nước Ea Khít, xã Ea Bhók, huyện Cư Kuin.
11. Đường liên huyện Ea H'leo - Krông Năng (Đoạn từ xã Dliê Yang, xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo đi xã Ea Tân huyện Krông Năng).
12. Dự án Nâng cấp công trình thủy lợi K'Dun, xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột.
13. Dự án Nâng cấp Hồ 201, xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột.
14. Dự án Khu xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Tân An 1 và 2, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.
15. Dự án Nâng cấp, sửa chữa công trình đập Ea Gin, xã Cư Né, huyện Krông Búk.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Nhất thông qua ngày 01 tháng 04 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Y Vinh Tor

Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 04/2020/NQ-HĐND
NGÀY 08/7/2020 CỦA HĐND TỈNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ HẠ
TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK GIAI
ĐOẠN 2021-2030**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Cụm công nghiệp	Dự kiến tổng mức đầu tư			Ghi chú
		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
			NST	NSH	
	TỔNG CỘNG	205.000	200.000	5.000	
1	Dự án Hệ thống xử lý nước thải Cụm Công nghiệp Ea Đar, huyện Ea Kar	30.000	30.000	-	Chi tiết tại Phụ lục I.1
2	Dự án Đường giao thông Cụm Công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp (Đường số No1, N02, No3, No4)	30.000	30.000	-	Chi tiết tại Phụ lục I.2
3	Dự án Đường giao thông Cụm Công nghiệp M’Drăk, huyện M’Drăk	30.000	30.000	-	Chi tiết tại Phụ lục I.3
4	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Ea Ral, huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 1)	30.000	30.000	-	Chi tiết tại Phụ lục I.4
5	Dự án Đường giao thông đối ngoại và đường trục chính Cụm Công nghiệp Hòa Sơn, huyện Krông Bông	20.000	20.000	-	Chi tiết tại Phụ lục I.5
6	Dự án Hệ thống xử lý nước thải, đường giao thông bên trong Cụm Công nghiệp Krông Búk 1, huyện Krông Búk	30.000	30.000	-	Chi tiết tại Phụ lục I.6
7	Dự án Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung Cụm Công nghiệp Cư Kuin	20.000	20.000		Chi tiết tại Phụ lục I.7
8	Dự án Đầu tư xây dựng đường giao thông trục D2 (đường trục chính trung tâm) Cụm Công nghiệp Cư Kuin	15.000	10.000	5.000	Chi tiết tại Phụ lục I.8

Phụ lục I.1

**DỰ ÁN HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CỤM CÔNG NGHIỆP EA ĐAR, HUYỆN EA KAR**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý nước thải Cụm Công nghiệp Ea Đar nhằm hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong cụm công nghiệp, đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải phục vụ cho hoạt động sản xuất của Cụm Công nghiệp, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, an toàn cho môi trường xung quanh Cụm Công nghiệp.

- Hoàn thành thực hiện Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 8/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng Cụm Công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2030.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Loại công trình: Hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Các hạng mục đầu tư, gồm:

+ Hệ thống thu gom nước thải và thoát nước sau xử lý;

+ Trạm xử lý nước thải và hạ tầng kỹ thuật của trạm xử lý, với công suất 500m³/ngày đêm.

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thuộc Cụm Công nghiệp Ea Đar, xã Ea Đar, huyện Ea Kar./.

Phụ lục I.2**DỰ ÁN ĐƯỜNG GIAO THÔNG CỤM CÔNG NGHIỆP EA LÊ,
HUYỆN EA SÚP (ĐƯỜNG SỐ No1, No2, No3, No4)**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Nhằm cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025; quy hoạch phát triển Cụm Công nghiệp tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025; hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong Cụm Công nghiệp, đáp ứng được nhu cầu của Cụm Công nghiệp tập trung và phù hợp với loại hình, quy mô công nghiệp dự kiến phát triển.

- Tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển các ngành nghề sản xuất, trọng tâm là các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng và thủ công mỹ nghệ,...

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Tổng chiều dài 04 tuyến khoảng: 1.283,89m.

- Hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông.

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Ea Lê, huyện Ea Súp./.

Phụ lục I.3
ĐƯỜNG GIAO THÔNG CỤM CÔNG NGHIỆP M'DRẮK,
HUYỆN M'DRẮK

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Hoàn thiện hệ thống giao thông trong Cụm Công nghiệp huyện M'Drắk góp phần đảm bảo lưu thông trong Cụm Công nghiệp với các vùng canh tác và trung tâm kinh tế.

- Từng bước xây dựng hoàn thiện Cụm Công nghiệp huyện M'Drắk.

- Tăng sức cạnh tranh, từng bước hoàn thiện và tập trung sản xuất, tạo nên hiệu quả kinh tế, về sử dụng đất đai, đầu tư vốn và chi phí quản lý khai thác.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Công trình giao thông, cấp III.

- Xây dựng hoàn thiện nền, móng cấp phối đá dăm lớp dưới cho 4 trục đường, tổng chiều dài khoảng 2.566,87m, gồm: Trục 02 dài khoảng 1685,34m ; trục 06 dài khoảng 298,95m; trục 07 dài khoảng 128,98m; trục 08 dài khoảng 453,60m.

- Mặt cắt ngang:

- Đường số 02: Bề rộng nền: 23m, bề rộng mặt: $7 \times 2 = 14\text{m}$, bề rộng hè đường: $4,5 \times 2\text{bên} = 9\text{m}$.

- Đường số 06: Bề rộng nền: 19,5m, bề rộng mặt: $5,25 \times 2 = 10,50\text{m}$, bề rộng hè đường: $4,5 \times 2\text{bên} = 9\text{m}$.

- Đường số 07, số 08: Bề rộng nền: 13,5m, bề rộng mặt: $3,75 \times 2 = 7,5\text{m}$, bề rộng hè đường: $3 \times 2\text{bên} = 6\text{m}$, bó vỉa bằng bê tông xi măng.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Krông Jing, huyện M'Drắk./.

Phụ lục I.4**DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP
EA RAL, HUYỆN EA H'LEO, TỈNH ĐẮK LẮK (GIAI ĐOẠN 1)**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đầu tư đồng bộ, toàn bộ hệ thống giao thông, các hạng mục hạ tầng phụ trợ như vỉa hè, cây xanh, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng.
- Tạo ra bộ mặt mới, khang trang hơn cho Cụm Công nghiệp, góp phần thu hút vốn đầu tư vào Cụm Công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi phát triển hơn nữa cho Cụm Công nghiệp.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

Gồm các hạng mục: Đường giao thông trục chính, đường giao thông đối ngoại, vỉa hè, cây xanh và hệ thống điện chiếu sáng.

- Hệ thống giao thông gồm 05 trục đường, tổng chiều dài khoảng 2.592,7m.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Kết cấu áo đường cấp cao A1.
- Hệ thống điện chiếu sáng.
- Hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông.

3. Dự án nhóm: Nhóm C.**4. Tổng mức đầu tư dự án: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).****5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.**

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.**8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Ea Ral, huyện Ea H'leo./.**

Phụ lục I.5**DỰ ÁN ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI VÀ ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH
CỤM CÔNG NGHIỆP HÒA SƠN, HUYỆN KRÔNG BÔNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện Krông Bông.
- Từng bước hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật để kêu gọi đầu tư vào Cụm Công nghiệp, tăng nguồn thu ngân sách cho huyện.
- Tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội đối với các xã mà tuyến đi qua.
- Đáp ứng nhu cầu giao thông trong nội bộ Cụm Công nghiệp.
- Từng bước chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Loại công trình: Công trình giao thông đường bộ.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Chiều dài tuyến khoảng: $L=1.620m$.
- Tiêu chuẩn thiết kế: Đường nội bộ.
- + Quy mô đầu tư đường đối ngoại khoảng: $L=420m$; Bề rộng nền đường $B_{nền} = 14m$; Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 10m$; Bề rộng lề đất: $B_{lề đất} = 2m \times 2bên$;
- + Quy mô đầu tư đường trực chính: Tổng chiều dài là khoảng $L=1.200m$; Trục 1, $L=504m$; Trục 2, $L=696m$; Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 8m$; Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 12m$; Bề rộng lề đất: $B_{lề đất} = 2m \times 2bên$.
- Hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông toàn tuyến.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.**4. Tổng mức đầu tư dự án: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).****5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.****6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.****7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.****8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Hoà Sơn, huyện Krông Bông./.**

Phụ lục I.6**DỰ ÁN HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, ĐƯỜNG GIAO THÔNG BÊN TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP KRÔNG BÚK 1, HUYỆN KRÔNG BÚK**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đáp ứng yêu cầu xử lý nước thải hiện nay của Cụm Công nghiệp Krông Búk 1;
- Từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông, kết cấu hạ tầng kỹ thuật của Cụm Công nghiệp Krông Búk 1 để phục vụ kêu gọi đầu tư và thúc đẩy sự phát triển tại Cụm Công nghiệp của huyện;
- Đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm trong sản xuất và xử lý nước thải tại cụm;
- Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng của huyện.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Mạng lưới thu gom nước thải: Xây dựng tuyến ống thu gom dài khoảng 1.954m.
- Xây dựng trạm xử lý nước thải với công suất 250m³/ngày đêm.
- Xây dựng 01 cụm bể xử lý và hố thu bùn; kênh quan trắc; hồ sự cố.
- Các công trình phụ trợ: Nhà điều hành, nhà để xe, nhà ép bùn, nhà đặt máy phát điện, trạm biến áp, nhà bảo vệ, sân, nền, cổng, tường rào, đường ống kỹ thuật...
- Thiết bị cho nhà trạm, các bể và hồ xử lý.
- Hệ thống quan trắc tự động.
- Hệ thống đường giao thông
- Tổng chiều dài tuyến khoảng 1.954m; lộ giới đường là 20,5m.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Cấp thiết kế: Đường GT cấp IV (miền núi).
- Công trình thoát nước.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.**4. Tổng mức đầu tư dự án: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).****5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.**

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.**8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Pong Drang, huyện Krông Búk./.**

Phụ lục I.7**DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
CỤM CÔNG NGHIỆP CƯ KUIN**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng nhà máy và hệ thống thoát nước thải tập trung quy mô khoảng 270m³/ngày. Tuân thủ QCVN 40/2011/BTNMT về nước thải công nghiệp, từng bước xây dựng hoàn thiện Cụm Công nghiệp Cư Kuin và Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh.

2. Nội dung và quy mô đầu tư, bao gồm:

- Xây dựng trên khuôn viên diện tích đã được quy hoạch diện tích 16.800m², gồm hệ thống xử lý nước thải, nhà quản lý vận hành, cống, hàng rào và hạ tầng kỹ thuật khác.

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất khoảng 270m³/ ngày đêm. Lựa chọn công nghệ và các thiết bị nhà máy Châu Âu, Mỹ, một số thiết bị đơn giản dùng hàng Việt Nam.

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Dray Bông, huyện Cư Kuin./.

Phụ lục I.8**DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRỤC D2
(ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH TRUNG TÂM) CỤM CÔNG NGHIỆP CƯ KUIN**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Hoàn thiện hệ thống giao thông trong cụm công nghiệp huyện, góp phần đảm bảo lưu thông trong Cụm Công nghiệp với các vùng canh tác và trung tâm kinh tế.

- Đầu tư đồng bộ, toàn bộ hệ thống giao thông, các hạng mục hạ tầng phụ trợ như vỉa hè, hệ thống thoát nước. Sau khi hoàn thiện sẽ tạo ra bộ mặt mới, khang trang hơn cho Cụm Công nghiệp, góp phần thu hút vốn đầu tư vào cụm công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi phát triển hơn nữa cho Cụm Công nghiệp.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Loại công trình: Đường giao thông.
- Tổng chiều dài khoảng 1000m.
- Kết cấu áo đường cấp cao A1, mặt đường BTN.
- Hệ thống an toàn giao thông.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện.

- Ngân sách tỉnh: 10.000.000.000 đồng.

- Ngân sách huyện: 5.000.000.000 đồng (Đã được Thường trực HĐND huyện Cư Kuin thống nhất vốn đối ứng từ nguồn ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025 tại Công văn số 04/HĐND-VP ngày 15/3/2022).

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: *Cụm Công nghiệp huyện Cư Kuin./.*

Phụ lục II

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2021/NQ-HĐND
NGÀY 21/12/2021 CỦA HĐND TỈNH VỀ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ
TỈNH ĐẮK LẮK, GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư			Ghi chú
		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
			NST	Vốn đối ứng của HTX	
	TỔNG CỘNG	18.000	14.000	4.000	
1	Dự án Đường trục chính giao thông nội đồng thuộc Hợp tác xã nông nghiệp 714	5.000	3.800	1.200	Chi tiết tại Phụ lục II.1
2	Dự án Đầu tư mua sắm 04 máy gặt đập liên hợp thuộc Hợp tác xã nông nghiệp 714	3.200	3.200	-	Chi tiết tại Phụ lục II.2
3	Dự án Đầu tư dây chuyền chế biến gạo bóng cho Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thăng Bình	9.800	7.000	2.800	Chi tiết tại Phụ lục II.3

Phụ lục II.1**DỰ ÁN ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG
THUỘC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP 714**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa của các thành viên Hợp tác xã nông nghiệp 714 từ nơi thu hoạch đến nhà máy, sân phơi, bãi tập kết sản phẩm (sản lượng hằng năm khoảng 5.500 tấn lúa của 600 thành viên);
- Giảm chi phí vận chuyển, nâng cao thu nhập cho người sản xuất và cộng đồng hưởng lợi từ vùng dự án;
- Từng bước nâng cấp cơ sở hạ tầng giúp Hợp tác xã nông nghiệp 714 sớm xây dựng thành công mô hình hợp tác xã nông nghiệp đảm nhiệm các dịch vụ đầu vào, sơ chế/chế biến và đầu ra trong chuỗi giá trị nông sản thuộc Đề án 167.
- Làm cơ sở để nhân rộng mô hình Hợp tác xã điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;
- Góp phần xây dựng hiệu quả tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn trong Chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Loại công trình: Công trình giao thông nông thôn, cấp C.
- Hình thức đầu tư: Cải tạo, nâng cấp.
- Hạng mục đầu tư: Bê tông hóa các trục chính đường giao thông nội đồng thuộc cánh đồng Hợp tác xã nông nghiệp 714 quản lý nằm trên địa bàn xã Ea Păl và xã Ea Ô gồm 6 trục đường với tổng chiều dài $L=3,535\text{km}$; nền đường rộng 4m, mặt đường bê tông xi măng đá 1x2 M200 dày 14cm, rộng 3m, lề đường rộng 0,5m x 2 bên, công trình thoát nước và hệ thống an toàn giao thông.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.**4. Tổng mức đầu tư dự án: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).****5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và vốn đối ứng của Hợp tác xã nông nghiệp 714, trong đó:**

- Ngân sách tỉnh: 3.800.000.000 đồng.
- Vốn của Hợp tác xã nông nghiệp 714: 1.200.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.**7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2022-2023.****8. Địa điểm thực hiện dự án: Tại cánh đồng Hợp tác xã nông nghiệp 714 quản lý nằm trên địa bàn xã Ea Păl và xã Ea huyện Ea Kar./.**

Phụ lục II.2**DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA SẮM 04 MÁY GẶT ĐẬP LIÊN HỢP
THUỘC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP 714**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Tiết kiệm nhân công trong quá trình thu hoạch nông sản, giải phóng sức lao động, tránh được những bất lợi do thời tiết, nâng cao thu nhập cho thành viên Hợp tác xã nông nghiệp 714 và cộng đồng hưởng lợi từ vùng dự án;

- Từng bước nâng cấp cơ sở hạ tầng giúp Hợp tác xã nông nghiệp 714 xây dựng thành công mô hình hợp tác xã nông nghiệp đảm nhiệm các dịch vụ đầu vào, sơ chế/chế biến và đầu ra trong chuỗi giá trị nông sản thuộc Đề án 167;

- Làm cơ sở để nhân rộng mô hình Hợp tác xã điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh.

- Góp phần xây dựng hiệu quả tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn trong Chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương.

2. Nội dung và quy mô đầu tư: Mua sắm 04 máy gặt đập liên hợp; năng suất thu hoạch của 1 máy là 0,3 - 0,7ha/h.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ, hai trăm triệu đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Hợp tác xã nông nghiệp 714, xã Ea Pal, huyện Ea Kar./.

Phụ lục II.3**DỰ ÁN ĐẦU TƯ DÂY CHUYỀN CHẾ BIẾN GẠO BÓNG CHO
HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ TỔNG HỢP NÔNG NGHIỆP THẮNG BÌNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Nâng cao giá trị cho lúa gạo, tăng giá thành sản phẩm gạo cho Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thăng Bình;
- Giảm thiểu được chi phí phải vận chuyển đi nơi khác để chế biến, nâng cao thu nhập cho người sản xuất và cộng đồng hưởng lợi từ vùng dự án;
- Từng bước nâng cấp cơ sở hạ tầng giúp Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thăng Bình xây dựng thành công mô hình hợp tác xã nông nghiệp đảm nhiệm các dịch vụ đầu vào, sơ chế/chế biến và đầu ra trong chuỗi giá trị nông sản thuộc Đề án 167;
- Làm cơ sở để nhân rộng mô hình Hợp tác xã điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh;
- Góp phần xây dựng hiệu quả tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn trong Chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Dây chuyền máy chế biến từ lúa ra gạo bóng với năng suất: 2,5 - 3 tấn lúa/giờ.
- Hệ thống thiết bị nhập xuất liệu gồm: Gàu tải nhập lúa tươi công suất 30 tấn/giờ; băng tải nhập lúa tươi; gàu tải xuất lúa khô công suất 30 tấn/giờ; băng tải xuất lúa khô, công suất 25-30 tấn/giờ; vít tải nhập xuất lúa trên bề sẩy, công suất 30 tấn/giờ.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.**4. Tổng mức đầu tư dự án: 9.800.000.000 đồng (Chín tỷ, tám trăm triệu đồng).****5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và vốn đối ứng của Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thăng Bình, trong đó:**

- Ngân sách tỉnh: 7.000.000.000 đồng.
- Vốn của Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thăng Bình: 2.800.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.**7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2022-2023.****8. Địa điểm thực hiện dự án: Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thăng Bình, xã Cư Kty, huyện Krông Bông./.**

Phụ lục III**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DO UBND TP BUÔN MA THUỘT ĐỀ XUẤT***(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư			Ghi chú
		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
			NST	NSH và nguồn vốn khác	
	TỔNG CỘNG	34.555	34.555	-	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tại Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc Đắk Lắk	34.555	34.555	-	Chi tiết tại Phụ lục III

Phụ lục III**DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ TẠI
KHU ĐÔ THỊ SINH THÁI VĂN HÓA, DU LỊCH DÂN TỘC ĐẮK LẮK**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Tạo quỹ đất tái định cư để bố trí cho 68 hộ dân, 76 căn nhà phải giải tỏa trắng nằm trong phạm vi mở rộng khu dân cư hiện trạng quanh hồ Ea Nao khoảng 13,17ha bao gồm: Đất ở 1,3ha; đất nông nghiệp 5,7ha; đất mặt nước và giao thông 6,1ha thuộc quy hoạch chi tiết 1/500 khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc Đắk Lắk đã được duyệt.

- Tạo quỹ đất sạch để đầu tư giá quyền sử dụng đất, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc Đắk Lắk theo quy hoạch được duyệt với tổng diện tích 47,06ha. Thúc đẩy việc đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn thành phố, phù hợp với định hướng phát triển cơ sở hạ tầng của tỉnh, tạo điều kiện cho việc gắn liền các trung tâm, các cụm dân cư và các buôn đồng bào dân tộc với nhau.

- Phạm vi đầu tư khu đất nhà ở tái định cư nằm trên trục đường Nguyễn Xuân Nguyên thuộc khu đất quy hoạch nhà ở tái định cư (dạng liên kế) quy hoạch chi tiết 1/500 khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc Đắk Lắk, với tổng diện tích đầu tư cơ sở hạ tầng khoảng 2,9ha gồm có 134 lô trên tổng diện tích khu đất theo quy hoạch 46,07ha.

2. Nội dung và quy mô đầu tư, bao gồm:

- Loại công trình: Hạ tầng kỹ thuật.

- Diện tích đầu tư cơ sở hạ tầng khoảng 2,9ha.

- Đầu tư xây dựng nền đường, móng, mặt đường, vỉa hè, cây xanh, hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông và hệ thống điện, bao gồm 06 trục đường như sau: Đường khu vực (S6), Đường nội bộ (S22), Đường nội bộ (N171), Đường nội bộ (N172), Đường nội bộ (N173), Đường Nguyễn Xuân Nguyên (mở rộng theo QH).

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 34.555.000.000 đồng (Ba mươi bốn tỷ, năm trăm năm mươi lăm triệu đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.

Ghi chú: Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tại Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc Đăk Lăk chưa có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND tỉnh. Tuy nhiên, đây là dự án đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất để tạo nguồn thu cho ngân sách tỉnh. Do đó, trước mắt sẽ ứng vốn từ Quỹ phát triển Nhà - Đất tỉnh để đầu tư, sau đó sẽ bổ sung dự án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương để hoàn ứng./.

Phụ lục IV**DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ***(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư				Ghi chú
		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:			
			NSTW	NST	NSH	
	TỔNG CỘNG	1.206.896.403	576.009	608.906.552	21.980.851	
1	Dự án Ổn định dân di cư tự do thôn Ea Rốt, xã Cư Pui, huyện Krông Bông	156.900	10.000	146.900	-	Chi tiết tại Phụ lục IV.1
2	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Krông Pách và xây dựng đê bao ngăn lũ đoạn qua xã Vụ Bản, Krông Pắc	128.000	25.000	103.000	-	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
3	Dự án Di dân khẩn cấp vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất cụm dân cư thôn 4, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10 và thôn 12 xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp	103.802.552	42.009	61.793.552		Chi tiết tại Phụ lục IV.3
4	Nâng cấp vỉa hè, hệ thống điện bờ hồ và trung tâm huyện phục vụ du lịch Hồ Lắk	29.850	-	29.850	-	Chi tiết tại Phụ lục IV.4
5	Đường ven Hồ Lắk đoạn quanh điểm du lịch Buôn Jun, thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk	29.993	-	29.993	-	Chi tiết tại Phụ lục IV.5
6	Đường giao thông từ Ea Hồ đi Tam Giang, huyện Krông Năng	140.000	134.000	6.000		Chi tiết tại Phụ lục IV.6
7	Đường giao thông liên huyện Cư M'gar - thị xã Buôn Hồ	70.000		70.000		Chi tiết tại Phụ lục IV.7
8	Hệ thống kênh và công trình trên kênh có Ftrới <150ha (địa bàn tỉnh Đắk Lắk) thuộc dự án Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ia Mơr - giai đoạn 2	114.000	110.000	4.000		Chi tiết tại Phụ lục IV.8

9	Dự án Hệ thống trạm bơm và công trình thủy lợi Dư Kmăl, xã Dư Kmăl, huyện Krông Ana	164.000	159.000	5.000		Chi tiết tại Phụ lục IV.9
10	Hồ chứa nước Ea Khít, xã Ea Bhook, huyện Cư Kuin	100.000	96.000	4.000		Chi tiết tại Phụ lục IV.10
11	Đường liên huyện Ea H'Leo - Krông Năng (Đoạn từ xã Dliê Yang, xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo đi xã Ea Tân huyện Krông Năng)	75.000		75.000		Chi tiết tại Phụ lục IV.11
12	Dự án Nâng cấp công trình thủy lợi K'Dun, xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột	17.307.332		12.000	5.307.332	Chi tiết tại Phụ lục IV.12
13	Dự án Nâng cấp Hồ 201, xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột	18.606.519		10.000	8.606.519	Chi tiết tại Phụ lục IV.13
14	Dự án: Khu xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Tân An 1 và 2, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột	44.987		37.370	7.617	Chi tiết tại Phụ lục IV.14
15	Nâng cấp, sửa chữa công trình đập Ea Gin, xã Cư Né, huyện Krông Búk	14.450		14.000	450	Chi tiết tại Phụ lục IV.15

Phụ lục IV.1**DỰ ÁN ỔN ĐỊNH DÂN DI CƯ TỰ DO THÔN EA RÓT, XÃ CƯ PUI,
HUYỆN KRÔNG BÔNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Nội dung đã được phê duyệt tại khoản 5 Điều 1 của Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh:

5. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

5. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 10.000 triệu đồng (đã được giao tại Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh).

- Ngân sách tỉnh: 146.900 triệu đồng (đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND tỉnh)./.

Phụ lục IV.2**DỰ ÁN KÈ CHỐNG SẠT LỞ BỜ SÔNG KHÔNG PÁCH VÀ XÂY DỰNG
ĐÊ BAO NGĂN LŨ ĐOẠN QUA XÃ VỤ BỒN, KHÔNG PÁCH**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Nội dung đã được phê duyệt tại khoản 9, 10 Điều 1 của Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 22/5/2020 của HĐND tỉnh:

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2020-2022.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 25.000 triệu đồng (đã được giao tại Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh).

- Ngân sách tỉnh: 103.000 triệu đồng (đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND tỉnh).

10. Thời gian thực hiện: Năm 2020-2023./.

Phụ lục IV.3**DỰ ÁN DI DÂN KHẨN CẤP VÙNG LŨ ÓNG, LŨ QUÉT, SẠT LỞ ĐẤT
CỤM DÂN CƯ THÔN 4, THÔN 7, THÔN 8, THÔN 9, THÔN 10 VÀ
THÔN 12 XÃ YA TỜ MÓT, HUYỆN EA SÚP***(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)***I. Nội dung đã được phê duyệt tại khoản 4, 5 Điều 1 của Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk:**

4. Tổng mức đầu tư dự án: 126.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ đồng), trong đó:

Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng:	2.000.000.000	đồng;
Chi phí xây dựng:	100.705.000.000	đồng;
Chi phí quản lý dự án:	1.971.804.000	đồng;
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	7.145.939.000	đồng;
Chi phí khác:	2.344.943.000	đồng;
Chi phí dự phòng:	11.832.314.000	đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

4. Tổng mức đầu tư dự án: 103.802.552.000 đồng (Một trăm lẻ ba tỷ, tám trăm lẻ hai triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng), trong đó:

Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng:	6.463.648.000	đồng;
Chi phí xây dựng:	69.174.430.000	đồng;
Chi phí quản lý dự án:	1.332.417.000	đồng;
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	6.615.079.000	đồng;
Chi phí khác:	1.513.588.000	đồng;
Chi phí dự phòng (phát sinh + trượt giá):	18.703.390.000	đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 42.009.000.000 đồng (Đã được giao tại các Quyết định số: 1718/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 và 713/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh).

- Ngân sách tỉnh: 61.793.552.000 đồng (Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết định số 52/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND tỉnh)./.

Phụ lục IV.4
DỰ ÁN NÂNG CẤP VÍA HÈ, HỆ THỐNG ĐIỆN BỜ HỒ VÀ TRUNG
TÂM HUYỆN PHỤC VỤ DU LỊCH HỒ LẮK

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Nội dung đã được phê duyệt tại mục 2, Phụ lục I.23 kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh:

2. Quy mô đầu tư:

- Hoa viên Liên Sơn và Quảng trường: Lát gạch và cải tạo lại hệ thống điện chiếu sáng;

- Mở rộng vỉa hè và bố trí hệ thống điện chiếu sáng: Đường Âu Cơ (Điểm đầu từ ngã 3 Y Ngông đến đường Nguyễn Huệ); Đường Y Ngông Niê (Điểm đầu từ Đường Âu Cơ đến ngã 3 đường Y Jút); Đường Y Jút (Từ ngã 3 Y Ngông Niê đến bờ Hồ Lắk); Đường Hùng Vương (Từ Đường Âu Cơ đến đường Tôn Thất Tùng); Đường Trần Phú (Từ ngã 3 Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Tôn Thất Tùng); Đường Lê Lai (Từ Quốc lộ 27 đến đường Lý Thường Kiệt); Đường Nguyễn Thị Minh Khai; Đường Lý Thường Kiệt (Từ đường Đinh Tiên Hoàng đi Yuk La); Đường Hai Bà Trưng L=183m (Từ QL27 đến đường Lê Hồng Phong); Đường Trần Bình Trọng (Từ đường Lý Thường Kiệt đến sân vận động); Đường Ngô Quyền (Từ QL27 đến đường Y Ngông Niê); Đường Phan Bội Châu (Từ QL27 đến Nơ Trang Long); Đường Nguyễn Du (Từ QL27 đến Nơ Trang Long).

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

2. Quy mô đầu tư:

- Hoa viên Liên Sơn và Quảng trường: Lát gạch và cải tạo lại hệ thống điện chiếu sáng;

- Mở rộng vỉa hè và bố trí hệ thống điện chiếu sáng: Đường Âu Cơ (Điểm đầu từ ngã 3 Y Ngông đến đường Nguyễn Huệ); Đường Y Ngông Niê (Điểm đầu từ Đường Âu Cơ đến ngã 3 đường Y Jút); Đường Y Jút (Từ ngã 3 Y Ngông Niê đến bờ Hồ Lắk); Đường Hùng Vương (Từ Đường Âu Cơ đến đường Tôn Thất Tùng); Đường Trần Phú (Từ ngã 3 Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Tôn Thất Tùng); Đường Lê Lai (Từ Quốc lộ 27 đến đường Lý Thường Kiệt); Đường Nguyễn Thị Minh Khai; Đường Lý Thường Kiệt (Từ đường Đinh Tiên Hoàng đi Yuk La); Đường Hai Bà Trưng L=183m (Từ QL27 đến đường Lê Hồng Phong); Đường Trần Bình Trọng (Từ đường Lý Thường Kiệt đến sân vận động); Đường Ngô Quyền (Từ QL27 đến đường Y Ngông Niê); Đường Nơ Trang Long (điểm đầu và cuối giao QL 27); Đường Hồ Xuân Hương (điểm đầu và cuối giao Âu Cơ); Đường Bà Triệu (từ QL 27 đi vào đường BTXM); Đường Nơ Trang Guh (từ QL 27 đi vào khu dân cư); Đường Phạm Ngọc Thạch (đầu tuyến giao QL 27 cuối tuyến đi khu dân cư); Đường Nguyễn Văn Trỗi (Từ giao Nơ trang Long đến Hùng Vương);

- Xây dựng hệ thống thoát nước./.

Phụ lục IV.5

DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN HỒ LẮK ĐOẠN QUANH ĐIỂM DU LỊCH BUÔN JUN, THỊ TRẤN LIÊN SƠN, HUYỆN LẮK

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Nội dung đã được phê duyệt tại mục 2, Phụ lục I.24 kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh:

2. Quy mô đầu tư:

* Đường giao thông:

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Vận tốc thiết kế: $V_{tk}=30\text{km/h}$.

- Chiều dài tuyến $L=766\text{m}$; Bề rộng nền đường: $B_n=16,5\text{m}$; Bề rộng mặt đường $B_m=7,5\text{m}$.

- Vĩa hè: Chiều rộng vĩa hè phía lòng hồ có kết hợp bố trí dừng chân, tham quan thắng cảnh,... rộng từ $(3,0;-15)\text{m}$; bên còn lại 3m.

- Lan can, tay vịn: Bố trí dọc trên dầm đỉnh kè bờ hồ hệ thống lan can, tay vịn bằng thép không gỉ gia công tạo kiểu nhằm tăng tính thẩm mỹ.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 2,1ha.

* Hệ thống thoát nước: Cống thoát nước dọc tuyến bằng cống tròn bê tông ly tâm đường kính $D60\text{cm}$; $D80\text{cm}$.

* Gia cố mái ta luy bờ hồ: Gia cố quanh bờ hồ bằng tấm bê tông lắp ghép đúc sẵn trên lớp vữa đệm; chân khay mái taluy bằng bê tông xi măng trên hàng cọc đứng để chống trượt và chống xói mòn.

* Hệ thống điện chiếu sáng: Tháo dỡ, tận dụng, thay thế và lắp dựng lại khoảng 600m hệ thống đường dây hạ áp nằm trong phạm vi mặt đường và xây dựng mới khoảng 766m hệ thống chiếu sáng.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

2. Quy mô đầu tư:

a) Đường quanh bờ hồ

* Đường giao thông:

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Vận tốc thiết kế: $V_{tk}=30\text{km/h}$.

- Chiều dài tuyến $L=565\text{m}$; Bề rộng nền đường: $B_n=16,5\text{m}$; Bề rộng mặt đường $B_m=7,5\text{m}$.

- Vĩa hè: Chiều rộng vĩa hè phía lòng hồ có kết hợp bố trí dừng chân, tham quan thắng cảnh,... rộng từ $(3,0;-15)\text{m}$; bên còn lại 3m.

- Lan can, tay vịn: Bố trí dọc trên dầm đỉnh kè bờ hồ hệ thống lan can, tay vịn bằng thép không gỉ gia công tạo kiểu nhằm tăng tính thẩm mỹ.

* Hệ thống thoát nước: Bố trí cống dọc, cống ngang, hố thu và cửa xả.

* Gia cố mái taluy bờ hồ: Gia cố quanh bờ hồ bằng tấm bê tông lắp ghép đúc sẵn trên lớp vữa đệm; chân khay mái taluy bằng bê tông xi măng trên hàng cọc đứng để chống trượt và chống xói mòn.

* Hệ thống điện chiếu sáng: Tháo dỡ, tận dụng, thay thế và lắp dựng lại hệ thống đường dây hạ áp nằm trong phạm vi mặt đường và xây dựng mới hệ thống chiếu sáng.

b) Đường Y Jút: Thảm nhựa tăng cường với chiều dài khoảng 1km./.

Phụ lục IV.6**DỰ ÁN ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỪ EA HỒ ĐI TAM GIANG,
HUYỆN KRÔNG NĂNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Nội dung đã được phê duyệt tại mục 2, Phụ lục I.29 kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh**2. Nội dung và quy mô đầu tư:**

- Cấp thiết kế đường : Đường cấp III - Đồng bằng.
- Tốc độ thiết kế : $V_{tk} = 80\text{km/h}$.
- Mặt cắt ngang: Theo TCVN 4054-2005 đường cấp III, tốc độ thiết kế $V_{tk}=80\text{km/h}$, có bề rộng mặt cắt ngang đường là $9\text{m} = (3,5 \times 2 + 1,0 \times 2)\text{m}$
- Kết cấu mặt đường: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi tối thiểu $E_y \geq 147 \text{ Mpa}$.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:**2. Nội dung và quy mô đầu tư:**

- Cấp thiết kế đường: Đường cấp III - Miền núi.
- Tốc độ thiết kế: $V_{tk} = 60\text{km/h}$.
- Mặt cắt ngang: Nền đường rộng 9m; mặt đường rộng 6,0m; lề đường rộng 1,5m x 2 bên.
- Kết cấu mặt đường: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi tối thiểu $E_y \geq 130 \text{ Mpa}/.$

Phụ lục IV.7**DỰ ÁN ĐƯỜNG GIAO THÔNG****LIÊN HUYỆN CU' M'GAR – THỊ XÃ BUÔN HỒ**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Nội dung đã được phê duyệt mục 2, Phụ lục I.33 kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh:

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Tổng chiều dài tuyến dự kiến: $L=13\text{km}$.
- Loại công trình: Công trình đường bộ.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Cấp thiết kế: Đường cấp V.
- Vận tốc thiết kế: $V_{tk}=40\text{Km/h}$.
- Công trình thoát nước vĩnh cửu, tải trọng thiết kế HL93.
- Mặt cắt ngang:
 - + Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 7,5\text{m}$.
 - + Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 5,5\text{m}$.
 - + Bề rộng lề: $B_l = 2bên \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}$.
- Kết cấu mặt đường láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn $4,5\text{kg/m}^2$.
- Hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông theo quy định.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Chiều dài tuyến: Khoảng $13,6\text{km}$;
- Loại công trình: Công trình đường bộ.
- Cấp thiết kế: Đường cấp IV - Miền núi.
- Vận tốc thiết kế: $V_{tk}=40\text{km/h}$.
- Mặt cắt ngang:
 - + Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 7,5\text{m}$.
 - + Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 5,5\text{m}$.
 - + Bề rộng lề: $B_l = 2bên \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}$.
- Kết cấu mặt đường: Mặt đường láng nhựa khoảng $8,00\text{ km}$, đoạn còn lại hoàn thiện nền đường $K \geq 0,95$.
- Hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông (giữ nguyên cầu cũ tại $\text{Km}1+662,38$)./.

Phụ lục IV.8**DỰ ÁN HỆ THỐNG KÊNH VÀ CÔNG TRÌNH TRÊN KÊNH CÓ F_{tưới}
<150ha (ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK) THUỘC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI HỒ CHỨA NƯỚC IA MỜ - GIAI ĐOẠN 2**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Nội dung đã được phê duyệt tại mục 2, Phụ lục I.38 kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh:

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

Nội dung quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng mới 55 tuyến kênh kết cấu BTCT với tổng chiều dài các tuyến kênh khoảng 50km phục vụ đảm bảo tưới cho khoảng 3.044 ha đất canh tác thuộc xã Ia Lốp, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

Nội dung quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng mới 45 tuyến kênh kết cấu BTCT với tổng chiều dài các tuyến kênh khoảng 38km phục vụ đảm bảo tưới cho khoảng 2.318 ha đất canh tác thuộc xã Ia Lốp, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục IV.9**DỰ ÁN HỆ THỐNG TRẠM BƠM VÀ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
DUR KMÃ, XÃ DUR KMÃ, HUYỆN KRÔNG ANA**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Nội dung đã được phê duyệt tại mục 1, 2 Phụ lục I.15 kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh:**1. Mục tiêu đầu tư:**

Về mặt kinh tế: Đáp ứng nhu cầu chủ động nguồn nước tưới cho khoảng 1425 ha cà phê và 1216 ha lúa nước, hoa màu, nhằm góp phần phát triển kinh tế nhanh và bền vững cho địa phương.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:**a) Cụm đầu mối:**

- 01 Trạm bơm cấp 1: Lưu lượng 6000m³/h, cung cấp nước tưới cho khoảng 1041,4 ha cây cà phê và 162,29 ha lúa và 994,5 ha ngô và một số cây trồng khác.

- Ống đẩy: Dài 1080m; ống thép D1000.

- Tuyến hầm: Dài 230m, đường kính D=2,8m, kết cấu BTCT 250.

- Bể điều hòa: 1 kích thước LxBxH (65x35x5)m và 1 bể LxBxH (35x15x4)m, kết cấu BTCT 250 đá 1x2 đổ liền khối. Bể này sẽ có nhiệm vụ điều áp, bù lưu lượng cho toàn bộ hệ thống, trữ đủ lượng nước để tưới cho toàn bộ hệ thống khoảng 0,5h khi trạm bơm gặp sự cố.

b) Hệ thống ống tưới:

- Khu tưới 1.

- Khu tưới 2.

c) Xây dựng học chờ tưới trên dọc các tuyến ống dẫn nước: Mỗi học chờ phụ trách tưới cho khoảng 5ha, trong học chờ có bố trí các họng chờ tưới đường kính ống D60mm, đồng hồ đo nước. Bố trí van xả cặn, xả khí và van giảm áp tại một số điểm đặc thù trên đường ống chính và ống tưới.

d) Hệ thống điện: 01 trạm biến áp công suất 400KVA; 0,3km đường dây điện 22Kv.

e) Nhà quản lý vận hành: Xây dựng một nhà cấp 4 và nhà đặt trạm bơm để QLVH toàn bộ hệ thống.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:**1. Mục tiêu đầu tư:**

- Về mặt kinh tế: Sử dụng hiệu quả nguồn nước sông Krông Ana để tưới tạo nguồn cho khoảng gần 1080ha đất canh tác và các đối tượng khác, nhằm góp phần phát triển kinh tế nhanh và bền vững cho địa phương, xóa đói giảm nghèo nâng cao đời sống cho người dân trong khu vực dự án ưu tiên khu vực tập trung

đồng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

Xây dựng 01 trạm bơm đầu mối để tưới tạo nguồn cho khoảng 1080 ha cây trồng các loại và các đối tượng khác; nạo vét, cải tạo kênh tưới tiêu có sẵn dài khoảng 1,6km; đầu tư mới hai cống đầu, cuối kênh tưới tiêu kết hợp và hệ thống đường ống tưới (chiều dài đường ống chính khoảng 1,35km và tổng chiều dài các kênh dẫn và đường ống nhánh khoảng 15,65km) và các công trình khác có liên quan: nhà trạm, bể hút, bể xả,..../.

Phụ lục IV.10**DỰ ÁN HỒ CHỨA NƯỚC EA KHÍT, XÃ EA BHÓK, HUYỆN CƯ KUIN***(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)***I. Nội dung đã được phê duyệt tại mục 1, 2 Phụ lục I.27 kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh:****1. Mục tiêu đầu tư:**

- Nhằm khai thác tổng hợp nguồn nước từ suối, đáp ứng nhu cầu dùng nước ngày càng cao cho sinh hoạt, sản xuất và chăn nuôi của khu vực, cải tạo khí hậu vùng và môi trường sinh thái khu vực, nâng cao mực nước ngầm, phát triển du lịch sinh thái, ... góp phần ổn định đời sống nhân dân và thúc đẩy phát triển đời sống kinh tế - xã hội cho địa phương.

- Khắc phục tình trạng thiếu nước trầm trọng về mùa khô và úng lụt về mùa mưa cho vùng hạ du công trình và khu vực phụ cận.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Vị trí dự kiến xây dựng công trình có tọa độ VN2000: X = 0466.620; Y = 1387.100 thuộc địa bàn xã Ea Bhók, huyện Cư Kuin;

- Công trình có nhiệm vụ đảm bảo cung cấp nguồn nước tưới ổn định cho 240 ha cây trồng các loại trong đó gồm 60ha lúa nước hai vụ, 120ha cà phê kinh doanh và 60ha màu thuộc các cánh đồng Lo Nhươ, Lộ Thơm và Tràn Sĩ thuộc xã Ea Bhók, huyện Cư Kuin.

- Cấp công trình: Cấp II.

- Các thông số cơ bản của các hạng mục công trình:

* Hồ chứa:

+ Diện tích lưu vực (F):	6,0 km ²
+ Tổng lượng dòng chảy đến P=85% (Wđến):	2.800x10 ³ m ³
+ Tổng lượng nước dùng (Wdùng):	1.920x10 ³ m ³
+ Mực nước dâng bình thường dự kiến (MNDBT):	+ 447,00m
+ Mực nước dâng gia cường (MNDGC):	+ 448,50m
+ Dung tích hữu ích của hồ dự kiến (Vhi):	1.000x10 ³ m ³

* Đập đất:

+ Cao trình đỉnh đập dự kiến:	+ 450,00m
+ Chiều cao đập lớn nhất dự kiến:	27,00m
+ Chiều dài đập (theo đỉnh đập) dự kiến khoảng:	600,00m
(Trong đó đập chính dài khoảng 200m, đập phụ dài khoảng 400m).	
+ Chiều rộng đỉnh đập dự kiến:	6,00m

* Tràn xả lũ:

+ Tràn xả lũ hình thức tràn có cửa van điều tiết và tiêu năng dòng chảy đáy.	
+ Cao trình ngưỡng tràn dự kiến:	+ 447,00m

- + Chiều rộng tràn dự kiến khoảng: 7,50m
- + Cột nước tràn thiết kế dự kiến: 1,50m
- + Lưu lượng xả lũ thiết kế dự kiến Q_{xảTK} (P=1%): 64,0m³/s
- * Công lấy nước:
- + Hình thức công lấy nước: Công ngầm chảy không áp hoặc bán áp.
- + Cao trình ngưỡng công dự kiến: + 430,00m
- + Tiết diện công khoảng: 600mm
- + Lưu lượng thiết kế dự kiến Q_{TK}: 0,340m³/s
- * Kênh và công trình trên kênh.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

1. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng mới Hồ Ea Khít tạo nguồn nước để hỗ trợ nâng cao khả năng nguồn nước sản xuất nông nghiệp, cải thiện hiệu quả tưới cho khoảng 240ha diện tích đất canh tác:

- Giai đoạn 1: 2021-2025 đầu tư hồ chính cung cấp nước tưới cho 65 ha đất canh tác;

- Giai đoạn 2: sau năm 2025: đầu tư hồ phụ cung cấp nước tưới cho 175 ha đất canh tác còn lại;

- Cải tạo khí hậu tiểu vùng và môi trường sinh thái khu vực, nâng cao mực nước ngầm trong điều kiện biến đổi khí hậu, kết hợp phát triển du lịch sinh thái và nuôi trồng thủy sản lòng hồ ...

- Giảm lũ cho khu vực hạ du, khắc phục tình trạng thiếu nước trầm trọng về mùa khô và úng lụt về mùa mưa cho vùng hạ du công trình và khu vực phụ cận góp phần ổn định đời sống nhân dân và thúc đẩy phát triển đời sống kinh tế - xã hội cho địa phương.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

Xây dựng mới hồ chính với dung tích toàn bộ khoảng 0,209 triệu m³ đảm bảo tưới cấp nguồn tưới chủ động cho khoảng 65ha đất canh tác bao gồm các hạng mục:

- Đập chính: Đập đất dài khoảng 84m, chiều cao đập lớn nhất khoảng 19,00m.
- Tràn xả lũ: Tràn tự do, dài khoảng 34,55m.
- Công lấy nước Bắc, chảy có áp, kết cấu ống thép bọc BTCT.
- Các công trình khác có liên quan: Đường thi công kết hợp quản lý vận hành (dài khoảng 1360m).
- Kênh chính Bắc dài khoảng 2.350m và CTTK Bắc./.

Phụ lục IV.11**DỰ ÁN ĐƯỜNG LIÊN HUYỆN EA H'LEO - KRÔNG NĂNG (ĐOẠN TỪ
XÃ DLIÊ YANG, XÃ EA HIAO, HUYỆN EA H'LEO ĐI XÃ EA TÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG)**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Nội dung đã được phê duyệt mục 2, Phụ lục I.10 kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh:**2. Nội dung và quy mô đầu tư:**

- Chiều dài tuyến: 13km.
- Vận tốc thiết kế: $V_{tk}=40\text{km/h}$.
- Bề rộng mặt đường: $B_{mặt}=5,5\text{m}$.
- Bề rộng nền đường: $B_{nền}=7,5\text{m}$.
- Bề rộng lề đường: $B_{lề}=1,0\text{m}\times 2\text{bên}$.
- Mặt đường cấp cao A1.
- Hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông (theo quy định).

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:**2. Nội dung và quy mô đầu tư:**

- Chiều dài đầu tư: 12.443,29m.
- + Điểm đầu tuyến: Km0+00 giao với đường bê tông xi măng đầu cầu dự ứng lực 33m thuộc Buôn Sek Đieđ, xã DliêYang, huyện Ea H'leo.
- + Điểm cuối tuyến: Km13+00 tiếp giáp đường nhựa thôn 10 và nông trường Hồ Lâm, xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo.
- Đoạn Km0+00 -:- Km3+016,13 và đoạn Km3+572,84 -:- Km9+714,92:
 - + Cấp thiết kế: Cấp IV - Miền núi.
 - + Bề rộng mặt đường: $B_{mặt}=5,5\text{m}$.
 - + Bề rộng nền đường: $B_{nền}=7,5\text{m}$.
 - + Bề rộng lề đường: $B_{lề}=1,0\text{m}\times 2\text{bên}$.
 - + Mặt đường cấp cao A1.
- Đoạn Km9+714,92 -:- Km13+00: Giữ nguyên cấp đường hiện trạng, sửa chữa đường láng nhựa hư hỏng cục bộ đảm bảo an toàn giao thông.
- Hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông (theo quy định)./.

Phụ lục IV.12**DỰ ÁN NÂNG CẤP CÔNG TRÌNH THỦY LỢI K'DUN, XÃ CƯ ÊBUR,
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Nội dung đã được phê duyệt tại khoản 11, 12 Điều 1 Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND tỉnh:

11. Tổng mức đầu tư: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 8.343.668.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 259.321.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐT XDCT: 796.975.000 đồng;
- Chi phí khác: 564.518.000 đồng;
- Chi phí bồi thường GPMB: 1.346.426.00 đồng;
- Chi phí dự phòng: 689.092.000 đồng.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

- Giai đoạn 2019-2020: 3.000.000.000 đồng.
- Giai đoạn sau năm 2020: 9.000.000.000 đồng.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

11. Tổng mức đầu tư: 17.307.332.000 đồng (Mười bảy tỷ, ba trăm lẻ bảy triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 7.830.228.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 243.363.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐT XDCT: 821.975.000 đồng;
- Chi phí khác: 271.264.000 đồng;
- Chi phí bồi thường GPMB: 7.000.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 1.140.502.000 đồng.

(Tăng thêm 5.307.332.000 đồng so với tổng mức đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND tỉnh).

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 12.000.000.000 đồng (đã được cân đối tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương);

- Ngân sách thành phố: 5.307.332.000 đồng (số vốn này đã được Thường trực HĐND thành phố Buôn Ma Thuột xác định trong giai đoạn 2021-2025 tại Công văn số 243/HĐND-VP ngày 23/02/2022)./.

Phụ lục IV.13**DỰ ÁN NÂNG CẤP HỒ 201, XÃ CƯ ỀBUR, THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT***(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)***I. Nội dung đã được phê duyệt tại khoản 11, 12, 14 Điều 1 Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND tỉnh:**

11. Tổng mức đầu tư: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 7.618.844.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 215.267.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư XD: 723.706.000 đồng;
- Chi phí khác: 458.307.000 đồng;
- Chi phí BTGPMB: 533.070.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 450.806.000 đồng.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

- Giai đoạn 2019-2020: 3.000.000.000 đồng.
- Giai đoạn sau năm 2020: 7.000.000.000 đồng.

14. Thời gian thực hiện dự án: Giai đoạn 2020-2022.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

11. Tổng mức đầu tư: 18.606.519.000 đồng (Mười tám tỷ, sáu trăm lẻ sáu triệu, năm trăm mười chín nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 10.383.472.000 đồng;
- Chi phí bồi thường GPMB: 6.791.427.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 318.783.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐT XDCT: 880.305.000 đồng;
- Chi phí khác: 232.532.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 0 đồng.

(Tăng thêm 8.606.519.000 đồng so với tổng mức đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND tỉnh).

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 10.000.000.000 (đã được cân đối tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương);

- Ngân sách thành phố: 8.606.519.000 đồng (số vốn này đã được Thường trực HĐND thành phố Buôn Ma Thuột xác định trong giai đoạn 2021-2025 tại Công văn số 243/HĐND-VP ngày 23/02/2022).

14. Thời gian thực hiện dự án: Giai đoạn 2020-2023./.

Phụ lục IV.14**DỰ ÁN KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG CỤM CÔNG NGHIỆP TÂN AN 1 VÀ 2, PHƯỜNG TÂN AN, THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

(Kèm theo Nghị quyết số 08NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Nội dung đã được phê duyệt tại khoản 6, 9, 10, 12 Điều 1 Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 05/11/2010 và điều chỉnh tại khoản 1, 2 Điều 1 Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 18/10/2012 của UBND tỉnh:

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Xây dựng mới Trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT quy định tại cột A, với công suất 1.500m³/ngày đêm, gồm các hạng mục sau:

- Mạng lưới cống thoát nước bản được thiết kế đi qua cống tất cả các nhà máy, với các thông số như sau:

- + Tổng chiều dài đường ống thu gom: L=8.084m.
- + Đường kính các đoạn ống: D200, D300, D500.
- + Độ chôn sâu trung bình từ 1,5-2m.
- + Độ dốc đặt cống $I_{\min} = 1/D$ (D là đường kính ống).
- + Vận tốc nước chảy $\min = 0,6\text{m/s}$, $\max = 3\text{m/s}$.
- + Vật liệu ống: Nhựa PVC.
- + Trạm xử lý công suất: 1.500m³/ngày.
- + Thiết bị xử lý nước thải.
- + Diện tích xây dựng: 3.600m².

+ Khu xử lý tập trung: Hệ thống bể xử lý bằng bê tông cốt thép, trạm vận hành.

+ Các hạng mục phụ trợ.

- Mương thoát nước sau xử lý bằng bê tông cốt thép, tổng chiều dài 300m: Loại kích thước: 3,5m x 3,5m (có bề tiêu năng, giảm tốc) và loại 2,5m x 2,5m.

9. Tổng mức đầu tư: 37.370.000.000 đồng (Ba mươi bảy tỷ, ba trăm bảy mươi triệu đồng), trong đó:

- | | |
|----------------------------|----------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 20.830.952.000 đồng; |
| - Chi phí thiết bị: | 9.080.000.000 đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 525.535.000 đồng; |
| - Chi phí tư vấn ĐT XDCT: | 1.808.298.000 đồng; |
| - Chi phí khác: | 230.788.000 đồng; |
| - Chi phí bồi thường GPMB: | 1.500.000.000 đồng; |

- Chi phí dự phòng: 3.394.427.000 đồng.

10. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

12. Thời gian thực hiện dự án: Theo kế hoạch vốn bố trí.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

6. Quy mô đầu tư bổ sung:

- Phần xây dựng: Bể hiếu khí Aeroten; Bể đặt máy ép bùn; Bể đặt máy bơm lọc và cột lọc áp lực có mái bảo vệ; Nhà trạm quan trắc online; Mương quan trắc; Bể sục cở.

- Phần thiết bị: Đồng hồ đo lưu lượng đầu vào; Thiết bị khuấy chìm bể điều hòa, bể anoxic; Đĩa thổi khí; Máy đo DO; Bơm tuần hoàn anoxic; Bơm bùn (tăng 2 bộ); Hệ thống lọc áp lực; Hệ thống quan trắc online.

9. Tổng mức đầu tư dự kiến sau điều chỉnh: 44.987.000.000 đồng (Bốn mươi bốn tỷ, chín trăm tám mươi bảy triệu đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	25.606.000.000	đồng;
- Chi phí thiết bị	:	11.425.000.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	854.000.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	2.720.000.000	đồng;
- Chi phí khác	:	544.000.000	đồng;
- Chi phí giải phóng mặt bằng	:	685.000.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	3.153.000.000	đồng.

(Tăng thêm 7.617.000.000 đồng so với tổng mức đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 18/10/2012 của UBND tỉnh).

10. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 37.370.000.000 đồng;

- Ngân sách thành phố: 7.617.000.000 đồng (số vốn này đã được Thường trực HĐND thành phố Buôn Ma Thuột xác định trong giai đoạn 2021-2025 tại Công văn số 243/HĐND-VP ngày 23/02/2022).

12. Thời gian thực hiện dự án: Đến năm 2023./.

Phụ lục IV.15**DỰ ÁN NÂNG CẤP, SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH ĐẬP EA GIN,
XÃ CƯ NÉ, HUYỆN KRÔNG BÚK**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Nội dung đã được phê duyệt tại mục 11, 12 Quyết định số 2894/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND tỉnh:

11. Tổng mức đầu tư: 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng chẵn), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 10.500.000.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác : 1.500.000.000 đồng;
- Chi phí giải phóng mặt bằng : 1.000.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 1.000.000.000 đồng.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

- Giai đoạn 2019-2020: 3.000.000.000 đồng.
- Giai đoạn sau năm 2020: 11.000.000.000 đồng.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

11. Tổng mức đầu tư: 14.450.000.000 đồng (Mười bốn tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 9.675.581.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 300.717.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 1.187.934.000 đồng;
- Chi phí khác : 460.677.000 đồng;
- Chi phí giải phóng mặt bằng : 2.741.444.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 83.647.000 đồng.

(Tăng thêm 450.000.000 đồng so với tổng mức đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 2894/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND tỉnh).

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện; trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 14.000.000.000 đồng (đã được cân đối tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương);

- Ngân sách huyện: 450.000.000 đồng (Đã được Thường trực HĐND huyện Krông Búk thống nhất vốn đối ứng từ nguồn ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025 tại Thông báo số 03/TB-HĐND ngày 14/3/2022)./.